

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 3 - 2018
Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thúy;

Ông Trương Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đinh Kim T, sinh năm 1973. Cư trú tại: ấp 0, xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Văn B sinh năm 1973. Cư trú tại: Khóm L, phường L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Lê Đình Minh T, sinh năm 2000;

2- Lê Thị N, sinh năm 1969;

Cùng cư trú: khóm A, phường L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Đình Minh T có mặt, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị N có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Đinh Kim T trình bày: Vào năm 1997 chị và anh Lê Văn B được cha mẹ tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006. Anh B là Cán bộ tổ chức của Đảng ủy xã B, thị xã H, chị thì mua bán vật tư nông nghiệp, tháng 6/2011 anh B đã ngoại tình và ăn chơi làm thất thoát tài sản gây nợ nần nên chị và anh B đã ly thân nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh B, về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung có 01 căn nhà gắn liền với đất diện tích 81m² nền nhà Lô C, cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá nhà và đất là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hiện chị đang quản lý, sử dụng, chị yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên và đứng tên quyền sử dụng đất, không thống nhất chia cho anh B.

- Bị đơn anh Lê Văn B trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2017 anh thống nhất việc chị T trình bày về hôn nhân và con chung. Về hôn nhân anh thống nhất ly hôn với chị T, về con chung anh thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006 anh B thống nhất cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng). Về tài sản có 01 căn nhà gắn liền với đất có diện tích 81m², nền nhà Lô C, ở cụm dân cư Trung tâm xã B, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do vợ anh là Đinh Kim T đang quản lý sử dụng, anh không yêu cầu chia nhưng giao cho con anh là Lê Đình Minh T được đứng tên, không thống nhất giao cho vợ đứng tên, về nợ chung không có.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lê Đình Minh T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2018 hiện nay em đã tròn 18 tuổi em thống nhất việc cha mẹ ly hôn nhau, đối với phần tài sản là căn nhà gắn liền với đất có diện tích 81m² ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H, do mẹ em là Đinh Kim T đang quản lý và sử dụng căn nhà gắn liền với nền đất để nuôi 02 con, nên em không nhận đứng tên căn nhà như ý kiến của cha em là Lê Văn B mà để cho mẹ em là Đinh Kim T được đăng ký đứng tên quyền sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N trình bày: Chị là chị ruột của anh Lê Văn B từ trước đến nay chị ở chung hộ khẩu với vợ chồng anh B, chị T nhưng phần tài sản là căn nhà và đất gắn liền có diện tích 81m² ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H là tài sản của vợ chồng chị T và anh B, chị không có ý kiến và không yêu cầu gì đối với phần tài sản này.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Kim T thống nhất theo ý kiến của anh Lê Văn B về phần tài sản căn nhà gắn liền với đất có diện tích 81m², nền Lô C, ở cụm dân cư Trung tâm xã B mà chị đang quản lý, sử dụng, chị thống nhất cùng với anh B giao cho con là em Lê Đình Minh T được quyền quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất và nhà gắn liền có diện tích 81m², nền nhà Lô C, ở cụm dân cư xã B, thị xã H chị không yêu cầu anh B giao cho chị như yêu cầu trước đây. Tại phiên tòa hôm nay em Lê Đình Minh T thống nhất nhận tài sản là căn gắn liền với đất có diện tích 81m², nền Lô C ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H theo ý kiến của cha mẹ em là Lê Văn B và bà Đinh Kim T giao cho em được quản lý, sử dụng và đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện các quyền nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án, đề nghị:

- Về hôn nhân : Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B.

- Về con chung: Chị Đinh Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho con của anh Lê Văn B đối với cháu Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006 số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Lê Đình Cao Kim N thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi mình.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà gắn liền với đất nền nhà Lô C, ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận cho và nhận của anh Lê Văn B, chị Đinh Kim T và Lê Đình Minh T: Minh T được quản lý, sử dụng, định đoạt và đứng tên quyền sử dụng tài sản.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn Lê Văn B đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do anh Lê Văn B ký nhận và niêm yết đầy đủ các Quyết định, thẩm định, định giá, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B không đến tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về hôn nhân giữa: Chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: Nay chị Đinh Kim T xin ly hôn với anh B, tại biên bản lấy lời khai của anh Lê Văn B ngày 17/11/2017 anh Lê Văn B cũng thống nhất ly hôn với chị Đinh Kim T. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B là hoàn toàn tự nguyện. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[4] Về con chung: Chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B có 02 con chung là Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006. Anh Lê Văn B thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, sự tự nguyện của anh B là phù hợp quy định của pháp luật. Nhưng xét thấy cháu Lê Đình Minh T đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh B

không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đình Minh T. Do đó, chỉ còn lại cháu Lê Đình Cao Kim N, anh B thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và Cháu Lê Đình Cao Kim N cũng có nguyện vọng sống với chị T, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, tại phiên tòa hôm nay chị T thống nhất theo tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng của anh B. Xét thấy việc tự nguyện của anh Lê Văn B là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B có 01 căn nhà gắn liền với đất có diện tích $81m^2$ nền nhà Lô C cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H (đối tượng 105/CP) mua trả chậm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị T đang quản lý sử dụng. Theo Công văn số 09/UBND-HC ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã B thì phần nền đất anh Lê Văn B được cấp theo Quyết định số 432/QĐ- UBND ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã H, anh B đã thực hiện nghĩa vụ nộp xong số tiền 8.825.000đ theo chương trình 105/CP nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Chị T yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng và được đăng ký đứng tên quyền sử dụng, chị không thống nhất chia cho anh B. Anh Lê Văn B không yêu cầu chia tài sản nhưng không thống nhất cho chị T đứng tên mà giao cho con là Lê Đình Minh T đứng tên.

[6] Tại phiên Tòa hôm nay chị Đinh Kim T thống nhất theo ý kiến của anh Lê Văn B về phần tài sản căn nhà gắn liền với đất có diện tích $81m^2$, ở cụm dân cư Trung tâm xã B mà chị đang quản lý sử dụng, giá trị nhà và nền đất theo Hội đồng định giá phần diện tích đất là $864.000đ/m^2 \times 81m^2 = 69.984.000đ$, nhà cấp 4 có giá trị là $2.076.480đ/m^2 \times 81m^2 = 168.194.000đ$, giá trị còn lại của căn nhà là $30\% = 50.458.000đ$. Tổng giá trị nhà và nền là 120.442.000đ (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Chị Đinh Kim T thống nhất cùng với anh Lê Văn B giao cho em Lê Đình Minh T quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất và nhà gắn liền diện tích $81m^2$, nền Lô C, ở cụm dân cư xã B, thị xã H và tại phiên tòa hôm nay em Lê Đình Minh T cũng đồng ý nhận tài sản cha mẹ cho và đứng tên quyền sử dụng căn nhà gắn liền với đất có diện tích $81m^2$, ở cụm dân cư Trung tâm xã B mà mẹ em là Đinh Kim T đang quản lý, sử dụng. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đinh Kim T, anh Lê Văn B và em Lê Đình Minh T là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo quy định của

pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự.

[7] Đối với chị Lê Thị N (chị ruột của anh Lê Văn B) hiện chị có hộ khẩu chung với gia đình anh B, chị T. Nhưng chị N xác định căn nhà gắn liền với đất nền nhà Lô C, cụm dân cư trung tâm xã B là tài sản chung của chị T và anh B, chị không có yêu cầu và cũng không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Về hôn nhân công nhận sự tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B. Về con chung chị Đinh Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng hai em Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho con của anh Lê Văn B đối với cháu Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006 số tiền 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Lê Đình Cao Kim N thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống mình. Về tài sản chung: Có 01 căn nhà gắn liền với đất nền nhà Lô C, ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận cho và nhận của anh Lê Văn B, chị Đinh Kim T và Lê Đình Minh T: Minh T được quản lý, sử dụng định đoạt và đứng tên quyền sử dụng tài sản. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Đinh Kim T chịu tiền án phí dân sự hôn nhân gia đình.

- Bị đơn anh Lê Văn B chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lê Đình Minh T chịu tiền án phí phần được chia tài sản. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Kim T trình bày do em Lê Đình Minh T sống chung với chị và còn đi học nên chị tự nguyện chịu thay tiền án phí cho em Lê Đình Minh T. Xét thấy việc tự nguyện của chị T là phù hợp pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí thẩm định, định giá: Tại phiên tòa hôm nay chị Đinh Kim T tự nguyện chịu tiền chi phí thẩm định, định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 38, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 81 và 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B.

+ Về con chung: Chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B có 02 con chung là Lê Đình Minh T, sinh ngày 05/02/2000 đã trưởng thành và Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đinh Kim T và anh Lê Văn B: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Lê Đình Cao Kim N, sinh ngày 17/9/2006. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đình Cao Kim N mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu Lê Đình Cao Kim N đủ 18 tuổi.

Chị Đinh Kim T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Đinh Kim T, anh Lê Văn B và Lê Đình Minh T: Lê Đình Minh T được quản lý, sử dụng, định đoạt và được đứng tên quyền sử dụng đất gắn liền với nhà diện tích 81m², nền nhà Lô C (đối tượng 105/CP) ở cụm dân cư Trung tâm xã B, thị xã H do anh Lê Văn B được cấp theo Quyết định số 432/QĐ – UBND ngày 07/12/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã H đất có vị trí như sau:

+ Đông giáp đường ĐT 842 từ mốc 1 đến mốc 2 là 4.50m;

+ Tây giáp đường hẻm công cộng từ mốc 3 đến mốc 4 là 4.50m;

- + Nam giáp nhà ông Đặng Văn N từ mốc 1 đến mốc 4 là 18.00m;
- + Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn H từ mốc 2 đến mốc 3 là 18.00m.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 618- 2017 ngày 26/12/2017 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất thị xã Hồng Ngự).

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Chị Đinh Kim T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Bị đơn anh Lê Văn B chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đình Minh T chịu 6.022.000đ (Sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí được chia tài sản. Nhưng chị Đinh Kim T tự nguyện chịu thay tiền án phí chia tài sản cho Lê Đình Minh T. Vậy chị T chịu tổng số tiền án phí là 6.322.000đ (Sáu triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Đinh Kim T đã nộp 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 14118 ngày 12/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Chị Đinh Kim T phải nộp thêm số tiền 3.522.000đ (Ba triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Về chi phí thẩm định, định giá là 700.000đ (Bảy trăm ngàn). Chị Đinh Kim T tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá nhưng do chị Đinh Kim T đã cho tạm ứng trước nên chị Đinh Kim T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHIÊN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung

